

CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 74/2015/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 09 tháng 9 năm 2015

NGHỊ ĐỊNH
Về phòng không nhân dân*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;**Căn cứ Luật Quốc phòng ngày 14 tháng 6 năm 2005;**Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 23 tháng 11 năm 2009;**Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,**Chính phủ ban hành Nghị định về phòng không nhân dân.***Chương I**
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Nghị định này quy định nguyên tắc, tổ chức và nội dung hoạt động phòng không nhân dân; chế độ, chính sách và trách nhiệm quản lý nhà nước đối với công tác phòng không nhân dân.

2. Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức và công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có liên quan đến phòng không nhân dân.

Điều 2. Vị trí, chức năng của phòng không nhân dân

Phòng không nhân dân là một nội dung quan trọng của công tác quốc phòng, quân sự; được xây dựng, hoạt động trong khu vực phòng thủ, là một bộ phận của thể trận quốc phòng toàn dân trên mặt trận đối không nhằm thực hiện phòng, tránh, đánh trả và khắc phục hậu quả các hành động xâm nhập, tiến công đường không của địch; bảo vệ tài sản của Nhà nước, tính mạng và tài sản của Nhân dân, góp phần xây dựng khu vực phòng thủ vững mạnh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thể trận phòng không nhân dân: Là tổng thể các yếu tố, các lợi thế về địa hình, lực lượng, bố trí trang thiết bị phòng không để tiến hành các hoạt động tác chiến phòng không, phù hợp với kế hoạch tác chiến của khu vực phòng thủ.

2. Địa bàn phòng không nhân dân: Được xác định là các huyện, quận, thành phố, thị xã thuộc tỉnh, hoặc những vị trí trọng yếu nằm trong hệ thống phòng thủ của cấp tỉnh và quân khu.

3. Lực lượng chuyên môn phòng không nhân dân: Là tổng hợp các lực lượng, được tổ chức chặt chẽ dưới sự chỉ đạo của Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân các cấp để thực hiện các nhiệm vụ phòng không nhân dân.

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động phòng không nhân dân

1. Tổ chức, hoạt động phòng không nhân dân đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, được tổ chức điều hành tập trung thống nhất từ Trung ương đến địa phương theo hướng dẫn của Bộ Quốc phòng.

2. Tổ chức, hoạt động phòng không nhân dân do hệ thống chính trị, toàn dân và lực lượng vũ trang thực hiện, trong đó Bộ đội địa phương và Dân quân tự vệ làm nòng cốt.

3. Công tác phòng không nhân dân được chuẩn bị từ thời bình và triển khai thực hiện khi có biểu hiện, hành động xâm nhập, tiến công đường không của địch.

Điều 5. Quản lý nhà nước về phòng không nhân dân

1. Bộ Quốc phòng, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện chức năng quản lý nhà nước về phòng không nhân dân.

2. Nội dung quản lý nhà nước về phòng không nhân dân:

a) Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về phòng không nhân dân;

b) Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ liên quan đến tổ chức và hoạt động phòng không nhân dân;

c) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật của Nhà nước, kế hoạch, quy chế hoạt động về phòng không nhân dân;

d) Chỉ đạo, điều hành xây dựng và tổ chức hoạt động phòng không nhân dân từ Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân Trung ương đến địa phương;

đ) Lập quy hoạch, xây dựng thể trận phòng không nhân dân trong khu vực phòng thủ;

e) Tổ chức kiểm tra về xây dựng và hoạt động phòng không nhân dân;

g) Sơ kết, tổng kết về kết quả hoạt động phòng không nhân dân.

Điều 6. Nội dung phòng không nhân dân

1. Nội dung tổ chức, hoạt động phòng không nhân dân thời bình:

a) Tuyên truyền, giáo dục về phòng không nhân dân;

- b) Xây dựng kế hoạch phòng không nhân dân;
 - c) Xây dựng lực lượng, tổ chức huấn luyện, diễn tập nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu, xử lý tình huống của các lực lượng tham gia công tác phòng không nhân dân;
 - d) Tổ chức xây dựng công trình phòng tránh, trận địa phòng không trong khu vực phòng thủ và triển khai hệ thống trinh sát, thông báo, báo động phòng không nhân dân;
 - đ) Xây dựng quy hoạch các đề án, dự án đảm bảo tiêu chuẩn an toàn về phòng không nhân dân và phòng thủ dân sự;
 - e) Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật.
2. Nội dung tổ chức, hoạt động phòng không nhân dân thời chiến:
- Thực hiện đầy đủ các nội dung phòng không nhân dân quy định tại Khoản 1 Điều này và tập trung vào các nội dung sau:
- a) Tổ chức trinh sát, quan sát, phát hiện, thông báo, báo động phòng không nhân dân; quan sát diễn biến các trận tiến công đường không của địch;
 - b) Tổ chức nguy trang, nghi binh, sơ tán, phân tán, phòng, tránh tiến công đường không của địch;
 - c) Tổ chức đánh địch xâm nhập, tiến công đường không và bảo đảm chiến đấu phòng không nhân dân;
 - d) Tổ chức khắc phục hậu quả và những thiệt hại do địch tiến công đường không.

Chương II

TỔ CHỨC PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN

Điều 7. Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân

1. Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân được tổ chức thành lập ở 4 cấp gồm:
 - Cấp Trung ương;
 - Cấp quân khu;
 - Cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là cấp tỉnh);
 - Cấp huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện) thuộc địa bàn trọng điểm phòng không nhân dân.
2. Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân Trung ương gồm:
 - a) Trưởng Ban Chỉ đạo do một đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ đảm nhiệm;
 - b) Phó Trưởng ban:
 - Phó Trưởng ban Thường trực là đồng chí Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

- Phó Trưởng ban là một đồng chí Phó Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam và đồng chí Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân, Chủ nhiệm Phòng không - Không quân toàn quân;

c) Ủy viên Ban Chỉ đạo là một đồng chí Thứ trưởng hoặc tương đương thuộc một số bộ, ban, ngành Trung ương và đồng chí Cục trưởng Cục Phòng không Lục quân thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân.

3. Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân các cấp từ Trung ương đến địa phương.

4. Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân các cấp do Trưởng Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân cùng cấp quy định. Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân cấp quân khu, cấp tỉnh, cấp huyện trên cơ sở quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân Trung ương.

Điều 8. Cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân

1. Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân các cấp có Cơ quan Thường trực giúp việc đặt tại cơ quan quân sự cùng cấp; nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan Thường trực do Trưởng Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân cùng cấp quy định.

2. Cục Phòng không Lục quân/Quân chủng Phòng không - Không quân là Cơ quan Chuyên trách giúp việc Ban Chỉ đạo, Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân Trung ương.

3. Cơ quan phòng không cấp quân khu, cấp tỉnh, Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện là Cơ quan Chuyên trách giúp việc Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân cùng cấp, có trách nhiệm tham mưu cho Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân cấp mình tổ chức, triển khai thực hiện các nội dung phòng không nhân dân quy định trong Nghị định này.

4. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc tổ chức Cơ quan Thường trực và Cơ quan Chuyên trách giúp việc cho Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân cấp quân khu, cấp tỉnh, cấp huyện.

Điều 9. Tổ chức lực lượng chuyên môn phòng không nhân dân

1. Lực lượng chuyên môn phòng không nhân dân gồm:

- a) Lực lượng trinh sát, quan sát phát hiện, thông báo, báo động phòng không;
- b) Lực lượng nguy trang, sơ tán, phòng tránh;
- c) Lực lượng đánh địch xâm nhập, tiến công đường không;
- d) Lực lượng phục vụ chiến đấu, bảo đảm phòng không nhân dân;
- đ) Lực lượng khắc phục hậu quả, cứu hỏa, cứu thương, cứu sập.

2. Lực lượng chuyên môn phòng không nhân dân được tổ chức thành các tổ (đội) từ lực lượng của các cơ quan, tổ chức, lực lượng vũ trang địa phương và toàn dân tham gia, trong đó lực lượng Dân quân tự vệ và Bộ đội địa phương là nòng cốt thực hiện nhiệm vụ phòng không nhân dân.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức và các đơn vị liên quan có trách nhiệm thành lập các tổ (đội) chuyên môn phòng không nhân dân theo hướng dẫn của Bộ Quốc phòng.

Điều 10. Thẩm quyền thành lập, chế độ làm việc, nguyên tắc hoạt động của Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân các cấp

1. Thẩm quyền thành lập:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân Trung ương;

b) Tư lệnh quân khu quyết định thành lập Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân cấp quân khu;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quyết định thành lập Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân cùng cấp.

2. Chế độ làm việc: Thành viên Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân các cấp làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

3. Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân các cấp hoạt động theo quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo cấp mình và theo nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy trí tuệ tập thể, đề cao trách nhiệm của Trưởng ban, Phó Trưởng ban. Ủy viên Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân các cấp làm việc theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

Chương III
PHÂN LOẠI, NHIỆM VỤ VÀ HOẠT ĐỘNG
PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN

Mục 1
PHÂN LOẠI, NHIỆM VỤ PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN

Điều 11. Phân loại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về phòng không nhân dân

1. Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trọng điểm phòng không nhân dân được xác định là các tỉnh, thành phố có vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh hoặc những nơi có các mục tiêu trọng điểm quốc gia và của quân khu.

2. Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ngoài trọng điểm phòng không nhân dân là các tỉnh, thành phố không nằm trong quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 12. Phân loại địa bàn phòng không nhân dân

1. Địa bàn trọng điểm phòng không nhân dân được xác định là các huyện, quận, thành phố trực thuộc cấp tỉnh có vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh, những nơi có các mục tiêu trọng điểm của tỉnh.